

Số: 107/QĐ-TTĐVTH

Dân Tiến, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kinh phí quản lý đất đai (gồm: thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ chỉnh lý địa chính...) của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/ 3/ 2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của UBND xã Dân Tiến. Quyết định phê duyệt dự toán tổ chức đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất tại Điểm dân cư nông thôn số 1, xóm Mìn, xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 20/05/2026 của UBND xã Dân Tiến, về việc điều chỉnh nhiệm vụ chi ngân sách năm 2026 của Phòng Kinh tế xã sang Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến;

Theo đề nghị của phụ trách Kế toán Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu kinh phí quản lý đất đai (gồm: thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ chỉnh lý địa chính...) của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến (theo mẫu biểu số 74 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó giám đốc, phụ trách Kế toán, các bộ phận Chuyên môn của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến thi hành Quyết định này. *lh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Lê Dũng

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến
Chương: 821

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 107/QĐ-TTĐVTH ngày 29/5/2026
của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	41.386.500
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.386.500
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	



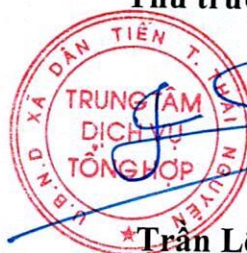
6	Chi các hoạt động kinh tế (chương 821, mã ngành KT 280-338)	41.386.500
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	41.386.500
	Kinh phí quản lý đất đai (gồm: thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ chỉnh lý địa chính...)	41.386.500
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
11	Chi sự nghiệp nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
12	Chi sự nghiệp thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
13	Chi sự nghiệp quản lý nhà nước	
13.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
13.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	

Ch

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày 29 tháng 5 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trần Lê Dũng